

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THÁI HÒA
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số:14/2023/HS-ST
Ngày 17 tháng 4 năm 2023

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hồ Xuân Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Hải

2. Ông Ngô Sỹ Lượng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền Thương - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Văn Đức Châu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HS ngày 14/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HS ngày 28/02/2023 và số 04/2023/QĐST-HS ngày 28/3/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Thái Quốc T- Tên gọi khác: Không; sinh ngày 10 tháng 3 năm 1992, tại thị xã T, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKTT: K, phường L, thị xã T, tỉnh Nghệ An; chỗ ở hiện nay: Xóm H, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Quốc H (đã chết) con bà Phạm Thị L, sinh năm 1966; vợ Thái Huyền T1, sinh năm 1997 và có 01 con, sinh năm: 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/12/2022 đến ngày 16/01/2023, được tại ngoại (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Phạm Ngọc S, sinh năm: 1991 (vắng mặt)

Trú tại: Xóm D, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An

+ Anh Phan Thanh N, sinh năm: 1982 (vắng mặt)

Trú tại: Xóm A, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An

+ Anh Nguyễn Tùng L1, sinh năm: 1993 (vắng mặt)

Trú tại: Xóm A, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An

+ Anh Đinh Đức Đ, sinh năm: 1992 (vắng mặt)

Trú tại: Xóm N, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

+ Anh Lê Tiến Q, sinh năm: 1997 (vắng mặt)

Trú tại: Xóm E, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An

+ Anh Hồ Xuân H1, sinh năm: 1994 (vắng mặt)

Trú tại: Khối Y, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An
 + Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm: 1995 (vắng mặt)
 Trú tại: Xóm V, xã Đ, huyện T, tỉnh Nghệ An
 + Anh Dương Quốc B, sinh năm: 1996 (vắng mặt)
 Trú tại: Xóm Đ, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An
 + Anh Trần Phi H3, sinh năm: 1998 (vắng mặt)
 Trú tại: Xóm S, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An
 + Anh Lê Trung K, sinh năm: 1998 (vắng mặt)
 Trú tại: Xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do hàm lợi trong việc cho khách hàng vay lãi nặng để thu lợi bất chính cho nên vào đầu năm 2022, Thái Quốc T đã thuê ki ốt tại xóm H, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An làm địa điểm giao dịch. Vì vậy, trong thời gian từ ngày 11/01/2022 đến ngày 15/11/2022, Thái Quốc T đã đứng ra cho nhiều người có nhu cầu cần vay vốn với lãi suất cho vay là 3.000đ (*Ba nghìn đồng*) trên 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) trên 01 ngày (tương đương với mức lãi suất 109,5%/năm). Khi có khách hàng vay tiền thì trực tiếp đến gặp T để vay tiền bằng hình thức thế chấp tài sản hoặc tín chấp. Nếu người vay lần đầu thì phải để lại một số giấy tờ tùy thân như căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân cho T và T làm giấy biên nhận tiền vay giữa T và khách hàng, còn nếu các lần sau vay tiền thì không cần phải thế chấp giấy tờ hoặc không làm giấy biên nhận nữa. Đến hạn trả tiền lãi hoặc tiền gốc thì T là người trực tiếp thu tiền của khách hàng. Bằng thủ đoạn trên, Thái Quốc T đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng với các giao dịch, cá nhân cụ thể như sau:

- Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với anh Phạm Ngọc S

+ Lần thứ nhất: Vào ngày 11/01/2022, do cần có tiền để công việc riêng cá nhân nên anh Phạm Ngọc S đến ki ốt của T gặp T để vay tiền. Tại đây, anh Phạm Ngọc S đặt vấn đề vay số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) thì được T đồng ý cho vay. T tính tiền lãi suất là 3.000đ (*Ba nghìn đồng*) trên 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) trên 01 ngày thì được anh S đồng ý, hai bên thỏa thuận với nhau thời gian trả lãi suất là vào hàng tháng. Sau khi thống nhất với nhau, anh S cầm cầm cho T một giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Ngọc S còn T viết giấy biên nhận tiền vay. Sau đó hàng tháng anh S trực tiếp đưa tiền lãi như đã thỏa thuận đến trả cho T. Đến ngày 30/9/2022, anh Phạm Ngọc S đã trả số tiền lãi suất cho Thái Quốc T với tổng số tiền là: 39.450.000đ (*Ba mươi chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) và số tiền vay là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định, thì mức lãi suất hợp pháp cao nhất cho phép là 20%/năm, tương đương 0,054794%/ngày. Theo đó, số tiền lãi suất cho phép thu khoản vay là: $50.000.000đ \times 0,054794\% \times 263 \text{ ngày} = 7.205.411đ$ (*Bảy triệu hai trăm linh năm nghìn bốn trăm mười một đồng*), (đây là số tiền thu hợp pháp). Tuy nhiên, Thái Quốc T đã cho Phạm Ngọc S vay với lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ngày tức 0,3%/ngày tương đương 109,5%/năm. Tức là lãi suất mà anh Phạm Ngọc S trả cho Thái Quốc T trong vòng 263 ngày là

$39.450.000đ - 7.205.411đ = 32.244.589đ$. Như vậy, Thái Quốc T thu lợi bất chính số tiền: **32.244.589đ**(Ba mươi hai triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm tám mươi chín đồng).

+ Lần thứ hai: Vào ngày 07/3/2022, do cần có tiền để làm ăn cho nên anh Phạm Ngọc S tiếp tục đến ki ốt của Thái Quốc T gặp T để vay tiền. Tại đây anh Phạm Ngọc S đặt vấn đề vay số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) thì được T đồng ý cho vay. T tính tiền lãi suất là 3.000đ (Ba nghìn đồng) trên 1.000.000đ (Một triệu đồng) trên 01 ngày thì được anh S đồng ý, hai bên thỏa thuận với nhau thời gian trả lãi suất là vào hàng tháng. Sau đó hàng tháng anh Phạm Ngọc S trực tiếp đưa tiền lãi như đã thỏa thuận đến trả cho T. Đến ngày 30/9/2022, anh Phạm Ngọc S đã trả số tiền lãi suất cho Thái Quốc T với tổng số tiền là: 18.720.000đ (Mười tám triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) và số tiền vay là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định, thì mức lãi suất hợp pháp cao nhất cho phép là 20%/năm, tương đương 0,054794%/ngày. Theo đó, số tiền lãi suất cho phép thu khoản vay là: $30.000.000đ \times 0,054794\% \times 208 \text{ ngày} = 3.419.145đ$ (Ba triệu bốn trăm mười chín nghìn một trăm bốn mươi lăm đồng), (đây là số tiền thu hợp pháp). Tuy nhiên, Thái Quốc T đã cho Phạm Ngọc S vay với lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ngày tức 0,3%/ngày tương đương 109,5%/năm. Tức là lãi suất mà anh Phạm Ngọc S trả cho Thái Quốc T trong vòng 208 ngày là $18.720.000đ - 3.419.145đ = 15.300.855đ$. Như vậy, Thái Quốc T thu lợi bất chính số tiền: **15.300.855đ**(Mười lăm triệu ba trăm nghìn tám trăm năm lăm đồng).

+ Lần thứ ba: Tiếp đến vào ngày 29/3/2022, do cần tiền để làm ăn cho nên anh Phạm Ngọc S lại tiếp tục đến ki ốt của Thái Quốc T gặp T để vay tiền. Tại đây anh Phạm Ngọc S đặt vấn đề vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) thì được T đồng ý cho vay. T tính tiền lãi suất là 3.000đ (Ba nghìn đồng) trên 1.000.000đ (Một triệu đồng) trên 01 ngày thì được anh S đồng ý, hai bên thỏa thuận với nhau thời gian trả lãi suất là vào hàng tháng. Sau đó hàng tháng anh Phạm Ngọc S trực tiếp đưa tiền lãi như đã thỏa thuận đến trả cho T. Đến ngày 30/9/2022, anh Phạm Ngọc S đã trả số tiền lãi suất cho Thái Quốc T với tổng số tiền là: 27.900.000đ (Hai mươi bảy triệu chín trăm nghìn đồng) và số tiền vay là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định, thì mức lãi suất hợp pháp cao nhất cho phép là 20%/năm, tương đương 0,054794%/ngày. Theo đó, số tiền lãi suất cho phép thu khoản vay là: $50.000.000đ \times 0,054794\% \times 186 \text{ ngày} = 5.095.842đ$ (Năm triệu không trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng), (đây là số tiền thu hợp pháp). Tuy nhiên, Thái Quốc T đã cho Phạm Ngọc S vay với lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ngày tức 0,3%/ngày tương đương 109,5%/năm. Tức là lãi suất mà anh Phạm Ngọc S trả cho Thái Quốc T trong vòng 286 ngày là $27.900.000đ - 5.095.842đ = 22.804.158đ$. Như vậy, Thái Quốc T thu lợi bất chính số tiền: **22.804.158đ**(Hai mươi hai triệu tám trăm linh tư nghìn một trăm năm mươi tám đồng).

Như vậy, Thái Quốc T đã 03 lần thông qua giao dịch dân sự cho anh Phạm Ngọc S vay với tổng số tiền **130.000.000đ**(Một trăm ba mươi triệu đồng) với lãi suất là 109,5%/năm (vượt gấp 5,475 mức lãi suất cao nhất cho phép quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015). Tổng số tiền lãi mà Thái Quốc T đã thu của anh S là

86.070.000đ(T2 mươi sáu triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng), trong đó số tiền thu lợi bất chính là: **70.349.602đ**(Bảy mươi triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm linh hai đồng).

- Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với anh Phan Thanh N.

Vào ngày 11/4/2022, anh Phan Thanh N do cần tiền để làm ăn nên đến ki ốt của Thái Quốc T gặp T để vay tiền. Tại đây anh Phan Thanh N đặt vấn đề vay số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) thì được T đồng ý cho vay. T tính tiền lãi suất là 3.000đ (*Ba nghìn đồng*) trên 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) trên 01 ngày thì được anh N đồng ý, hai bên thỏa thuận với nhau thời gian trả lãi suất là vào hàng tháng. Sau khi thông nhất với nhau, anh N cầm cầm lại cho T một giấy chứng minh nhân dân mang tên Phan Thanh N, T viết giấy biên nhận vay tiền. Sau đó hàng tháng anh N trực tiếp đưa tiền lãi như đã thỏa thuận đến trả cho T. Đến ngày 10/9/2022, anh Phan Thanh N đã trả số tiền lãi suất cho Thái Quốc T với tổng số tiền là: 45.900.000đ (*Bốn mươi lăm triệu chín trăm nghìn đồng*) và số tiền vay là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định, thì mức lãi suất hợp pháp cao nhất cho phép là 20%/năm, tương đương 0,054794%/ngày. Theo đó, số tiền lãi suất cho phép thu là: $100.000.000đ \times 0,054794\% \times 153 \text{ ngày} = 8.383.482đ$ (*Tám triệu ba trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng*), (đây là số tiền thu hợp pháp). Tuy nhiên, Thái Quốc T đã cho Phan Thanh N vay với lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ngày tức 0,3%/ngày tương đương 109,5%/năm. Tức là lãi suất mà anh Phan Thanh N trả cho Thái Quốc T trong vòng 153 ngày là $45.900.000đ - 8.383.482đ = 37.516.518đ$. Như vậy, Thái Quốc T thu lợi bất chính số tiền: **37.516.518đ** (*Ba mươi bảy triệu năm trăm mười sáu nghìn năm trăm mười tám đồng*).

- Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với anh Đinh Đức Đ:

Vào ngày 12/7/2022, anh Đinh Đức Đ đến gặp và nhờ anh Nguyễn Tùng L1 (sinh năm 1993, trú tại xóm A, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An) đến ki ốt của Thái Quốc T đứng ra vay cho Đ số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) để làm ăn. Sau khi được Thái Quốc T đồng ý cho vay, anh Nguyễn Tùng L1 đã cầm cầm cho T 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Tùng L1. T tính tiền lãi suất là 3.000đ (*Ba nghìn đồng*) trên 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) trên 01 ngày, hai bên thỏa thuận với nhau thời gian trả lãi suất là vào hàng tháng. Sau khi thông nhất với nhau, T cắt lãi tháng đầu tiên với số tiền là 2.700.000đ (*Hai triệu bảy trăm nghìn đồng*). Sau đó cứ hàng tháng đến lần trả tiền lãi, T điện thoại cho anh Nguyễn Tùng L1 thông báo để cho anh L1 báo lại với anh Đinh Đức Đ nộp tiền lãi. Đến ngày 08/11/2022, anh Đinh Đức Đ đã trả số tiền lãi suất cho Thái Quốc T với tổng số tiền là: 10.800.000đ (*Mười triệu tám trăm nghìn đồng*) và chưa trả số tiền vay là 30.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) cho Thái Quốc T.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định, thì mức lãi suất hợp pháp cao nhất cho phép là 20%/năm, tương đương 0,054794%/ngày. Theo đó, số tiền lãi suất cho phép thu là: $30.000.000đ \times 0,054794\% \times 151 \text{ ngày (tính đến ngày 09/12/2022 Thái Quốc T bị bắt)} = 2.482.168đ$ (*Hai triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn một trăm sáu mươi tám đồng*), (đây là số tiền thu hợp pháp). Tuy nhiên,

Thái Quốc T đã cho Đinh Đức Đ vay với lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ngày tức 0,3%/ngày tương đương 109,5%/năm. Tức là lãi suất mà anh Đinh Đức Đ trả cho Thái Quốc T trong vòng 151 ngày là $13.590.000đ - 2.482.168đ = 11.107.832đ$. Như vậy, Thái Quốc T thu lợi bất chính số tiền: **11.107.832đ** (*Mười một triệu một trăm linh bảy nghìn tám trăm ba mươi hai đồng*).

- Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với anh Lê Tiến Q

+ Lần thứ nhất: Vào ngày 09/10/2022, anh Lê Tiến Q do cần tiền để giải quyết việc cá nhân nên đến ki ốt của Thái Quốc T gặp T để vay tiền. Tại đây anh Lê Tiến Q đặt vấn đề vay số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) thì được T đồng ý cho vay. T tính tiền lãi suất là 3.000đ (*Ba nghìn đồng*) trên 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) trên 01 ngày thì được anh Q đồng ý, hai bên thỏa thuận với nhau thời gian trả lãi suất là vào hàng tháng. Sau khi thống nhất với nhau, T cắt lãi tháng đầu tiên với số tiền là 3.600.000đ (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*). Đến ngày 05/12/2022, anh Lê Tiến Q đã trả số tiền vay là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) và tiền lãi suất của 28 ngày còn lại là 3.360.000đ (*Ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định, thì mức lãi suất hợp pháp cao nhất cho phép là 20%/năm, tương đương 0,054794%/ngày. Theo đó, số tiền lãi suất cho phép thu khoản vay là: $40.000.000đ \times 0,054794\% \times 58 \text{ ngày} = 1.271.220đ$ (*Một triệu hai trăm bảy mươi một nghìn hai trăm hai mươi hai đồng*), (đây là số tiền thu hợp pháp). Tuy nhiên, Thái Quốc T đã cho Lê Tiến Q vay với lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ngày tức 0,3%/ngày tương đương 109,5%/năm. Tức là lãi suất mà anh Lê Tiến Q trả cho Thái Quốc T trong vòng 58 ngày là $6.960.000đ - 1.271.220đ = 5.688.780đ$. Như vậy, Thái Quốc T thu lợi bất chính số tiền: **5.688.780đ** (*Năm triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm tám mươi đồng*).

+ Lần thứ hai: Do tiếp tục cần tiền dùng vào việc cá nhân nên vào ngày 16/10/2022, anh Lê Tiến Q đến ki ốt của Thái Quốc T gặp T để vay tiền. Tại đây anh Lê Tiến Q đặt vấn đề vay số tiền 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*) thì được T đồng ý cho vay. T tính tiền lãi suất là 3.000đ (*Ba nghìn đồng*) trên 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) trên 01 ngày thì được anh Q đồng ý, hai bên thỏa thuận với nhau thời gian trả lãi suất là vào hàng tháng. Sau khi thống nhất với nhau, T cắt lãi tháng đầu tiên với số tiền là 6.300.000đ (*Sáu triệu ba trăm nghìn đồng*). Đến ngày 05/12/2022, anh Lê Tiến Q đã trả số tiền vay là 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*) và tiền lãi suất của 21 ngày còn lại là 4.410.000đ (*Bốn triệu bốn trăm mười nghìn đồng*).

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định, thì mức lãi suất hợp pháp cao nhất cho phép là 20%/năm, tương đương 0,054794%/ngày. Theo đó, số tiền lãi suất cho phép thu khoản vay là: $70.000.000đ \times 0,054794\% \times 51 \text{ ngày} = 1.956.145đ$ (*Một triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn một trăm bốn mươi lăm đồng*), (đây là số tiền thu hợp pháp). Tuy nhiên, Thái Quốc T đã cho Lê Tiến Q vay với lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ngày tức 0,3%/ngày tương đương 109,5%/năm. Tức là lãi suất mà anh Lê Tiến Q trả cho Thái Quốc T trong vòng 51 ngày là $10.710.000đ - 1.956.145đ = 8.753.855đ$. Như vậy, Thái Quốc T thu lợi bất chính số tiền: **8.753.855đ** (*Tám triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn tám trăm năm mươi lăm đồng*).

+ Lần thứ ba: Vào ngày 28/10/2022, anh Lê Tiến Q do cần tiền để giải quyết việc cá nhân nên tiếp tục đến ki ốt của Thái Quốc T gặp T để vay số tiền 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*) thì được Thái Quốc T đồng ý cho vay. T tính tiền lãi suất là 3.000đ (*Ba nghìn đồng*) trên 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) trên 01 ngày thì được anh Q đồng ý, hai bên thỏa thuận với nhau thời gian trả lãi suất là vào hàng tháng. Sau khi thống nhất với nhau, T cắt lãi tháng đầu tiên với số tiền là 6.300.000đ (*Sáu triệu ba trăm nghìn đồng*). Đến ngày 05/12/2022, anh Lê Tiến Q đã trả số tiền vay là 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*) và tiền lãi suất của 9 ngày còn lại là 1.890.000đ (*Một triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng*).

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định, thì mức lãi suất hợp pháp cao nhất cho phép là 20%/năm, tương đương 0,054794%/ngày. Theo đó, số tiền lãi suất cho phép thu khoản vay là: $70.000.000đ \times 0,054794\% \times 39 \text{ ngày} = 1.495.876đ$ (*Một triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm bảy mươi sáu đồng*), (đây là số tiền thu hợp pháp). Tuy nhiên, Thái Quốc T đã cho Lê Tiến Q vay với lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ngày tức 0,3%/ngày tương đương 109,5%/năm. Tức là lãi suất mà anh Lê Tiến Q trả cho Thái Quốc T trong vòng 39 ngày là $8.190.000đ - 1.495.876đ = 6.694.124đ$. Như vậy, Thái Quốc T thu lợi bất chính số tiền: **6.694.124đ** (*Sáu triệu sáu trăm chín mươi tư nghìn một trăm hai mươi tư đồng*).

Như vậy, Thái Quốc T đã 03 lần thông qua giao dịch dân sự cho anh Lê Tiến Q vay với tổng số tiền **180.000.000đ** (*Một trăm tám mươi triệu đồng*) với lãi suất là 109,5%/năm (vượt gấp 5,475 mức lãi suất cao nhất cho phép quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015). Tổng số tiền lãi mà Thái Quốc T đã thu của anh Q là **25.860.000đ** (*Hai mươi lăm triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng*), trong đó số tiền thu lợi bất chính là: **21.136.759đ** (*Hai mươi một triệu một trăm ba mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi chín đồng*).

- Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với anh Hồ Xuân H1

+ Lần thứ nhất: Vào ngày 14/11/2022, anh Hồ Xuân H1 do cần tiền để giải quyết việc cá nhân nên đến ki ốt của Thái Quốc T gặp T để vay số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) thì được Thái Quốc T đồng ý cho vay. T tính tiền lãi suất là 3.000đ (*Ba nghìn đồng*) trên 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) trên 01 ngày thì được anh H1 đồng ý, hai bên thỏa thuận với nhau thời gian trả lãi suất là vào hàng tháng thì T làm giấy biên nhận tiền vay cho anh H1. Sau khi thống nhất với nhau, T cắt lãi tháng đầu tiên với số tiền là 3.600.000đ (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*). Đến ngày 06/12/2022, anh Hồ Xuân H1 đã trả số tiền vay là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*). Do khoản tiền vay chưa đến 30 ngày (01 tháng) nên Thái Quốc T trả lại tiền lãi suất mà anh H1 đã thanh toán thừa cho H1 với số tiền là 840.000đ (*T2 trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định, thì mức lãi suất hợp pháp cao nhất cho phép là 20%/năm, tương đương 0,054794%/ngày. Theo đó, số tiền lãi suất cho phép thu khoản vay là: $40.000.000đ \times 0,054794\% \times 23 \text{ ngày} = 504.104đ$ (*Năm trăm linh bốn nghìn một trăm linh bốn đồng*), (đây là số tiền thu hợp pháp). Tuy nhiên, Thái Quốc T đã cho Hồ Xuân H1 vay với lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ngày tức 0,3%/ngày tương đương 109,5%/năm. Tức là lãi suất mà anh Hồ Xuân H1 trả cho Thái Quốc T trong vòng 23 ngày là $2.760.000đ - 504.104đ$

= 2.255.896đ. Như vậy, Thái Quốc T thu lợi bất chính số tiền: **2.255.896đ** (Hai triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng).

+ Lần thứ hai: Do tiếp tục cần tiền vào công việc riêng nên đến ngày 15/11/2022, anh Hồ Xuân H1 đến ki ốt của Thái Quốc T tại gặp T để vay số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) thì được Thái Quốc T đồng ý cho vay. T tính tiền lãi suất là 3.000đ (Ba nghìn đồng) trên 1.000.000đ (Một triệu đồng) trên 01 ngày. Sau khi thống nhất với nhau, T cắt lãi tháng đầu tiên với số tiền là 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng). Đến ngày 06/12/2022, anh Hồ Xuân H1 đã trả số tiền vay là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Do khoản tiền vay chưa đến 30 ngày (01 tháng) nên Thái Quốc T trả lại tiền lãi suất mà anh H1 đã thanh toán thừa cho T với số tiền là 1.440.000đ (Một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định, thì mức lãi suất hợp pháp cao nhất cho phép là 20%/năm, tương đương 0,054794%/ngày. Theo đó, số tiền lãi suất cho phép thu khoản vay là: 60.000.000đ x 0,054794% x 22 ngày = 723.280đ (Bảy trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám mươi đồng), (đây là số tiền thu hợp pháp). Tuy nhiên, Thái Quốc T đã cho Hồ Xuân H1 vay với lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ngày tức 0,3%/ngày tương đương 109,5%/năm. Tức là lãi suất mà anh Hồ Xuân H1 trả cho Thái Quốc T trong vòng 22 ngày là 3.960.000đ – 723.280đ = 3.236.720đ. Như vậy, Thái Quốc T thu lợi bất chính số tiền: **3.236.720đ** (Ba triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi đồng).

Như vậy, Thái Quốc T đã 02 lần thông qua giao dịch dân sự cho anh Hồ Xuân H1 vay tổng số tiền **100.000.000đ** (Một trăm triệu đồng) với lãi suất là 109,5%/năm (vượt gấp 5,475 mức lãi suất cao nhất cho phép quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015). Tổng số tiền lãi mà Thái Quốc T đã thu của anh H1 là **6.720.000đ** (Sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng), trong đó số tiền thu lợi bất chính là: **5.492.616đ** (Năm triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm mười sáu đồng).

- Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với anh Lê Trung K

Vào ngày 14/8/2022, anh Lê Trung K do cần tiền để giải quyết việc cá nhân nên đến ki ốt của Thái Quốc T gặp T để vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) thì được Thái Quốc T đồng ý cho vay. T tính tiền lãi suất là 3.000đ (Ba nghìn đồng) trên 1.000.000đ (Một triệu đồng) trên 01 ngày, hai bên thỏa thuận với nhau thời gian trả lãi suất là vào hàng tháng. Sau khi thống nhất với nhau. Đến ngày 12/10/2022, anh Lê Trung K đã trả số tiền lãi suất là 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng) và khoản tiền vay là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định, thì mức lãi suất hợp pháp cao nhất cho phép là 20%/năm, tương đương 0,054794%/ngày. Theo đó, số tiền lãi suất cho phép thu khoản vay là: 20.000.000đ x 0,054794% x 60 ngày = 657.528đ (Sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi tám đồng), (đây là số tiền thu hợp pháp). Tuy nhiên, Thái Quốc T đã cho Lê Trung K vay với lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ngày tức 0,3%/ngày tương đương 109,5%/năm. Tức là lãi suất mà anh Lê Trung K trả cho Thái Quốc T trong vòng 60 ngày là 3.600.000đ – 657.528đ = 2.942.472đ. Như vậy, Thái Quốc T thu lợi bất chính số tiền: **2.942.472đ** (Hai triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm bảy mươi hai đồng).

- Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với anh Trần Phi H3

+ Lần thứ nhất: Do cần tiền để làm ăn nên vào ngày 16/10/2022, anh Trần Phi H3 đến ki ốt của Thái Quốc T gặp T để vay số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) thì được Thái Quốc T đồng ý cho vay. T tính tiền lãi suất là 3.000đ (*Ba nghìn đồng*) trên 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) trên 01 ngày, hai bên thỏa thuận với nhau thời gian trả lãi suất là vào hàng tháng. Sau khi thống nhất với nhau, T viết giấy biên nhận vay tiền cho H3 đồng thời cắt lãi tháng đầu tiên với số tiền là 2.700.000đ (*Hai triệu bảy trăm nghìn đồng*). Đến ngày 01/12/2022, anh Trần Phi H3 đã trả thêm số tiền lãi suất là 1.530.000đ (*Một triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng*) và khoản tiền vay là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) cho Thái Quốc T.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định, thì mức lãi suất hợp pháp cao nhất cho phép là 20%/năm, tương đương 0,054794%/ngày. Theo đó, số tiền lãi suất cho phép thu khoản vay là: $30.000.000đ \times 0,054794\% \times 47 \text{ ngày} = 772.595đ$ (*Bảy trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng*), (đây là số tiền thu hợp pháp). Tuy nhiên, Thái Quốc T đã cho Trần phi H4 vay với lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ngày tức 0,3%/ngày tương đương 109,5%/năm. Tức là lãi suất mà anh Trần phi H4 trả cho Thái Quốc T trong vòng 47 ngày là 4.230.000đ – 772.595đ = 3.457.441đ. Như vậy, Thái Quốc T thu lợi bất chính số tiền: **3.457.405đ** (*Ba triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm bốn mươi lăm đồng*).

+ Lần thứ hai: Ngày 28/10/2022, anh Trần Phi H3 tiếp tục đến ki ốt của Thái Quốc T gặp T để vay số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) thì được Thái Quốc T đồng ý cho vay. Cũng như lần trước, T tính tiền lãi suất là 3.000đ (*Ba nghìn đồng*) trên 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) trên 01 ngày, hai bên thỏa thuận với nhau thời gian trả lãi suất là vào hàng tháng. Sau khi thống nhất với nhau, T cắt lãi tháng đầu tiên với số tiền là 2.700.000đ (*Hai triệu bảy trăm nghìn đồng*). Đến ngày 01/12/2022, anh Trần Phi H3 đã trả thêm số tiền lãi suất là 450.000đ (*Bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) và khoản tiền vay là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) cho Thái Quốc T.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định, thì mức lãi suất hợp pháp cao nhất cho phép là 20%/năm, tương đương 0,054794%/ngày. Theo đó, số tiền lãi suất cho phép thu khoản vay là: $30.000.000đ \times 0,054794\% \times 35 \text{ ngày} = 575.337đ$ (*Năm trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi bảy đồng*), (đây là số tiền thu hợp pháp). Tuy nhiên, Thái Quốc T đã cho Trần phi H4 vay với lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ngày tức 0,3%/ngày tương đương 109,5%/năm. Tức là lãi suất mà anh Trần phi H4 trả cho Thái Quốc T trong vòng 35 ngày là 3.150.000đ – 575.337đ = 2.574.663đ. Như vậy, Thái Quốc T thu lợi bất chính số tiền: **2.574.663đ** (*Hai triệu năm trăm bảy mươi tư nghìn sáu trăm sáu mươi ba đồng*).

Như vậy, Thái Quốc T đã 02 lần thông qua giao dịch dân sự cho anh Trần Phi H3 vay tổng số tiền **60.000.000đ** (*Sáu mươi triệu đồng*) với lãi suất là 109,5%/năm (vượt gấp 5,475 mức lãi suất cao nhất cho phép quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015). Tổng số tiền lãi mà Thái Quốc T đã thu của anh H3 là **7.380.000đ** (*Bảy triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng*), trong đó số tiền thu lợi bất chính là: **6.032.068đ** (*Sáu triệu không trăm ba mươi hai nghìn không trăm sáu mươi tám đồng*).

- Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với anh Dương Quốc B:

+ Lần thứ nhất: Vào ngày 16/5/2022, anh Dương Quốc B do cần tiền vào công việc cá nhân nên đến ki ốt của Thái Quốc T gặp T để vay số tiền 35.000.000đ (*Ba mươi lăm triệu đồng*) thì được Thái Quốc T đồng ý cho vay. Sau khi thống nhất với nhau, T tính tiền lãi suất là 3.000đ (*Ba nghìn đồng*) trên 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) trên 01 ngày. Đến ngày 18/5/2022, anh Dương quốc B1 đã trả số tiền lãi suất là 315.000đ (*Ba trăm mười lăm nghìn đồng*) và khoản tiền vay là 35.000.000đ (*Ba mươi lăm triệu đồng*) cho Thái Quốc T.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định, thì mức lãi suất hợp pháp cao nhất cho phép là 20%/năm, tương đương 0,054794%/ngày. Theo đó, số tiền lãi suất cho phép thu khoản vay là: $30.000.000đ \times 0,054794\% \times 03 \text{ ngày} = 57.533đ$ (*Năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi ba đồng*), (đây là số tiền thu hợp pháp). Tuy nhiên, Thái Quốc T đã cho anh Dương Quốc B vay với lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ngày tức 0,3%/ngày tương đương 109,5%/năm. Tức là lãi suất mà anh Dương Quốc B trả cho Thái Quốc T trong vòng 03 ngày là 315.000đ – 57.533đ = 257.467đ. Như vậy, Thái Quốc T thu lợi bất chính số tiền: **257.467đ** (*Hai trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi bảy đồng*).

+ Lần thứ hai: Vào ngày 22/6/2022, anh Dương Quốc B tiếp tục đến ki ốt của Thái Quốc T gặp T để vay số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi lăm triệu đồng*) thì được Thái Quốc T đồng ý cho vay. Cũng như lần trước, T tính tiền lãi suất là 3.000đ (*Ba nghìn đồng*) trên 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) trên 01 ngày. Đến ngày 17/7/2022, anh Dương quốc B1 đã trả số tiền lãi suất là 3.120.000đ (*Ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng*) và khoản tiền vay là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) cho Thái Quốc T.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định, thì mức lãi suất hợp pháp cao nhất cho phép là 20%/năm, tương đương 0,054794%/ngày. Theo đó, số tiền lãi suất cho phép thu khoản vay là: $40.000.000đ \times 0,054794\% \times 26 \text{ ngày} = 569.857đ$ (*Năm trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm năm mươi bảy đồng*), (đây là số tiền thu hợp pháp). Tuy nhiên, Thái Quốc T đã cho Dương Quốc B vay với lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ngày tức 0,3%/ngày tương đương 109,5%/năm. Tức là lãi suất mà anh Dương Quốc B trả cho Thái Quốc T trong vòng 26 ngày là $3.120.000đ - 569.857đ = 2.550.143đ$. Như vậy, Thái Quốc T thu lợi bất chính số tiền: **2.550.143đ** (*Hai triệu năm trăm lăm mươi nghìn một trăm bốn mươi ba đồng*).

+ Lần thứ ba: Vào ngày 26/6/2022, anh Dương Quốc B tiếp tục đến ki ốt của Thái Quốc T gặp T để vay số tiền 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*) thì được Thái Quốc T đồng ý cho vay. Cũng như lần trước, T tính tiền lãi suất là 3.000đ (*Ba nghìn đồng*) trên 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) trên 01 ngày. Đến ngày 17/7/2022, anh Dương Quốc B đã trả số tiền lãi suất là 1.650.000đ (*Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) và khoản tiền vay là 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*) cho Thái Quốc T.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định, thì mức lãi suất hợp pháp cao nhất cho phép là 20%/năm, tương đương 0,054794%/ngày. Theo đó, số tiền lãi suất cho phép thu khoản vay ngày 26/6/2022 là: $25.000.000đ \times$

0,054794% x 22 ngày = 301.367đ (*Ba trăm linh một nghìn ba trăm sáu mươi bảy đồng*), (đây là số tiền thu hợp pháp). Tuy nhiên, Thái Quốc T đã cho Dương Quốc B vay với lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ngày tức 0,3%/ngày tương đương 109,5%/năm. Tức là lãi suất mà anh Dương Quốc B trả cho Thái Quốc T trong vòng 22 ngày là 1.650.000đ - 301.367đ = 1.348.633đ. Như vậy, Thái Quốc T thu lợi bất chính số tiền: **1.348.633đ**(*Một triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi ba đồng*).

Lần thứ tư: Vào ngày 03/7/2022, anh Dương Quốc B tiếp tục đến ki ốt của Thái Quốc T gặp T để vay số tiền 35.000.000đ (*Ba mươi lăm triệu đồng*) thì được Thái Quốc T đồng ý cho vay. Như lần trước, T tính tiền lãi suất là 3.000đ (*Ba nghìn đồng*) trên 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) trên 01 ngày. Đến ngày 17/7/2022, anh Dương Quốc B đã trả số tiền lãi suất là 1.575.000đ (*Một triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) và khoản tiền vay là 35.000.000đ (*Ba mươi lăm triệu đồng*) cho Thái Quốc T.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định, thì mức lãi suất hợp pháp cao nhất cho phép là 20%/năm, tương đương 0,054794%/ngày. Theo đó, số tiền lãi suất cho phép thu khoản vay là: 35.000.000đ x 0,054794% x 15 ngày = 287.668đ (*Hai trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi tám đồng*), (đây là số tiền thu hợp pháp). Tuy nhiên, Thái Quốc T đã cho Dương Quốc B vay với lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ngày tức 0,3%/ngày tương đương 109,5%/năm. Tức là lãi suất mà anh Dương Quốc B trả cho Thái Quốc T trong vòng 15 ngày là 1.575.000đ - 287.668đ = 1.287.332đ. Như vậy, Thái Quốc T thu lợi bất chính số tiền: **1.287.332đ**(*Một triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi hai đồng*).

+ Lần thứ năm: Vào ngày 26/7/2022, anh Dương Quốc B tiếp tục đến ki ốt của Thái Quốc T gặp T để vay số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi lăm triệu đồng*) thì được Thái Quốc T đồng ý cho vay. Như lần trước, T tính tiền lãi suất là 3.000đ (*Ba nghìn đồng*) trên 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) trên 01 ngày. Đến ngày 14/10/2022, anh Dương Quốc B đã trả số tiền lãi suất là 9.720.000đ (*Chín triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng*) và khoản tiền vay là 40.000.000đ (*Ba mươi lăm triệu đồng*) cho Thái Quốc T.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định, thì mức lãi suất hợp pháp cao nhất cho phép là 20%/năm, tương đương 0,054794%/ngày. Theo đó, số tiền lãi suất cho phép thu khoản vay là: 40.000.000đ x 0,054794% x 81 ngày = 1.775.325đ (*Một triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng*), (đây là số tiền thu hợp pháp). Tuy nhiên, Thái Quốc T đã cho Dương Quốc B vay với lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ngày tức 0,3%/ngày tương đương 109,5%/năm. Tức là lãi suất mà anh Dương Quốc B trả cho Thái Quốc T trong vòng 81 ngày là 9.720.000đ - 1.775.325đ = 7.944.675đ. Như vậy, Thái Quốc T thu lợi bất chính số tiền: **7.944.675đ** (*Bảy triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm bảy mươi lăm đồng*).

Như vậy, Thái Quốc T đã 05 lần thông qua giao dịch dân sự cho anh Dương Quốc B vay tổng số tiền **175.000.000đ**(*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*) với lãi suất là 109,5%/năm (vượt gấp 5,475 mức lãi xuất cao nhất cho phép quy định tại

Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015). Tổng số tiền lãi mà Thái Quốc T đã thu của anh B là **16.380.000đ** (*Mười sáu triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng*), trong đó số tiền thu lợi bất chính là: **13.388.250đ** (*Mười ba triệu ba trăm tám mươi tám nghìn hai trăm năm mươi đồng*).

- Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với anh Nguyễn Văn H2:

+ Lần thứ nhất: Vào ngày 05/5/2022, anh Nguyễn Văn H2 biết Thái Quốc T cho vay tiền lãi, để có tiền dùng vào việc làm ăn nên anh H2 đến ki ốt của Thái Quốc T gặp T để vay số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) thì được Thái Quốc T đồng ý cho vay. T tính tiền lãi suất là 3.000đ (*Ba nghìn đồng*) trên 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) trên 01 ngày, thời hạn thanh toán tiền lãi trả hàng tháng. Sau khi thống nhất với nhau, anh H2 cầm cầm lại cho T 01 thẻ đảng viên mang tên Nguyễn Văn H2, còn T làm giấy biên nhận tiền vay giữa hai bên với nhau. Đến ngày 19/7/2022, anh Nguyễn Văn H2 đã trả số tiền lãi suất là 6.840.000đ (*Sáu triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*) và khoản tiền vay là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) cho Thái Quốc T.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định, thì mức lãi suất hợp pháp cao nhất cho phép là 20%/năm, tương đương 0,054794%/ngày. Theo đó, số tiền lãi suất cho phép thu khoản vay là: $30.000.000đ \times 0,054794\% \times 76 \text{ ngày} = 1.249.303đ$ (*Một triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm linh ba đồng*), (đây là số tiền thu hợp pháp). Tuy nhiên, Thái Quốc T đã cho anh Nguyễn Văn H2 vay với lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ngày tức 0,3%/ngày tương đương 109,5%/năm. Tức là lãi suất mà anh Nguyễn Văn H2 trả cho Thái Quốc T trong vòng 76 ngày là $6.840.000đ - 1.249.303đ = 5.590.697đ$. Như vậy, Thái Quốc T thu lợi bất chính số tiền: **5.590.697đ** (*Năm triệu năm trăm chín mươi nghìn sáu trăm chín mươi bảy đồng*).

+ Lần thứ hai: Vào ngày 14/8/2022, anh Nguyễn Văn H2 tiếp tục đến ki ốt của Thái Quốc T gặp T để vay số tiền 113.500.000đ (*Một trăm mười ba triệu năm trăm nghìn đồng*) thì được Thái Quốc T đồng ý cho vay. Cũng như lần trước, T tính tiền lãi suất là 3.000đ (*Ba nghìn đồng*) trên 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) trên 01 ngày, thời hạn thanh toán tiền lãi trả hàng tháng. Đến ngày 28/8/2022, anh Nguyễn Văn H2 đã trả số tiền lãi suất là 5.107.500đ (*Năm triệu một trăm linh bảy nghìn năm trăm đồng*) và khoản tiền vay là 113.500.000đ (*Một trăm mười ba triệu năm trăm nghìn đồng*) cho Thái Quốc T.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định, thì mức lãi suất hợp pháp cao nhất cho phép là 20%/năm, tương đương 0,054794%/ngày. Theo đó, số tiền lãi suất cho phép thu khoản vay là: $113.500.000đ \times 0,054794\% \times 15 \text{ ngày} = 932.867đ$ (*Chín trăm ba mươi hai nghìn tám trăm sáu mươi bảy đồng*), (đây là số tiền thu hợp pháp). Tuy nhiên, Thái Quốc T đã cho anh Nguyễn Văn H2 vay với lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ngày tức 0,3%/ngày tương đương 109,5%/năm. Tức là lãi suất mà anh Nguyễn Văn H2 trả cho Thái Quốc T trong vòng 15 ngày là $5.107.500đ - 932.867đ = 4.174.633đ$. Như vậy, Thái Quốc T thu lợi bất chính số tiền: **4.174.633đ** (*Bốn triệu một trăm bảy mươi tư nghìn sáu trăm ba mươi ba đồng*).

+ Lần thứ ba: Vào ngày 17/10/2022, anh Nguyễn Văn H2 tiếp tục đến ki ốt của Thái Quốc T gặp T để vay số tiền 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) thì được Thái Quốc T đồng ý cho vay. Cũng như lần trước, T tính tiền lãi suất là 3.000đ (*Ba nghìn đồng*) trên 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) trên 01 ngày, thời hạn thanh toán tiền lãi trả hàng tháng. Đến ngày 16/11/2022, anh Nguyễn Văn H2 đã trả số tiền lãi suất là 13.950.000đ (*Mười ba triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*) và khoản tiền vay là 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) cho Thái Quốc T.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định, thì mức lãi suất hợp pháp cao nhất cho phép là 20%/năm, tương đương 0,054794%/ngày. Theo đó, số tiền lãi suất cho phép thu khoản vay là: $150.000.000đ \times 0,054794\% \times 31 \text{ ngày} = 2.547.921đ$ (*Hai triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm hai mươi mốt đồng*), (đây là số tiền thu hợp pháp). Tuy nhiên, Thái Quốc T đã cho anh Nguyễn Văn H2 vay với lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ngày tức 0,3%/ngày tương đương 109,5%/năm. Tức là lãi suất mà anh Nguyễn Văn H2 trả cho Thái Quốc T trong vòng 31 ngày là $13.950.000đ - 2.547.921đ = 11.402.079đ$. Như vậy, Thái Quốc T thu lợi bất chính số tiền: **11.402.079đ** (*Mười một triệu bốn trăm linh hai nghìn không trăm bảy mươi chín đồng*).

+ Lần thứ tư: Vào ngày 14/11/2022, anh Nguyễn Văn H2 tiếp tục đến ki ốt của Thái Quốc T gặp T để vay số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) thì được Thái Quốc T đồng ý cho vay. Cũng như lần trước, T tính tiền lãi suất là 3.000đ (*Ba nghìn đồng*) trên 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) trên 01 ngày, thời hạn thanh toán tiền lãi trả hàng tháng. Đến ngày 16/11/2022, anh Nguyễn Văn H2 đã trả số tiền lãi suất là 450.000đ (*Bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) và khoản tiền vay là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) cho Thái Quốc T.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định, thì mức lãi suất hợp pháp cao nhất cho phép là 20%/năm, tương đương 0,054794%/ngày. Theo đó, số tiền lãi suất cho phép thu khoản vay là: $50.000.000đ \times 0,054794\% \times 03 \text{ ngày} = 82.191đ$ (*Tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi mốt đồng*), (đây là số tiền thu hợp pháp). Tuy nhiên, Thái Quốc T đã cho anh Nguyễn Văn H2 vay với lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ngày tức 0,3%/ngày tương đương 109,5%/năm. Tức là lãi suất mà anh Nguyễn Văn H2 trả cho Thái Quốc T trong vòng 03 ngày là $450.000đ - 82.191đ = 367.809đ$. Như vậy, Thái Quốc T thu lợi bất chính số tiền: **367.809đ** (*Ba trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm linh chín đồng*).

Như vậy, Thái Quốc T đã 04 lần thông qua giao dịch dân sự cho anh Nguyễn Văn H2 vay tổng số tiền **343.500.000đ** (*Ba trăm bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng*) với lãi suất là 109,5%/năm (vượt gấp 5,475 mức lãi suất cao nhất cho phép quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015). Tổng số tiền lãi mà Thái Quốc T đã thu của anh H2 là **26.347.500đ** (*Hai mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng*), trong đó số tiền thu lợi bất chính là: **21.535.218đ** (*Hai mươi một triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm mười tám đồng*).

Thái Quốc T đã 22 lần thông qua giao dịch dân sự với 09 cá nhân đã cho vay tổng số tiền **1.138.500.000đ** (*Một tỷ một trăm ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng*) với mức lãi suất 109,5%/năm, với tổng số tiền lãi là 231.847.500đ (hai trăm ba mươi một triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) trong đó tiền thu

lợi bất chính là 189.501.290đ (một trăm tám mươi chín triệu, năm trăm linh một nghìn, hai trăm chín mươi đồng). Tổng số tiền lãi mà Thái Quốc T đã thu là **229.057.500đ** (Hai trăm hai mươi chín triệu không trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng), trong đó số tiền thu lợi bất chính là: **187.220.919đ** (Một trăm tám mươi bảy triệu, hai trăm hai mươi nghìn, chín trăm mười chín đồng)

Về vật chứng của vụ án gồm:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã thu giữ:

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 14 Pro Max, màu tím, số imel: 3586327396119, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0854.109.999.

+ Tiền ngân hàng N1: 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng đồng). Số tiền này bị can Thái Quốc T tự nguyện giao nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa tại biên lai thu tiền số 0007366 ngày 08/02/2023.

Tại Bản cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 08 tháng 02 năm 2023, của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa đã truy tố Thái Quốc T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 - BLHS.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, b khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 - BLHS: Xử phạt bị cáo Thái Quốc T từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng về tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Vật chứng vụ án: Đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 14 Pro Max, màu tím, số imel: 3586327396119, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0854.109.999; tiếp tục tạm giữ của bị cáo số tiền 200.000.000đ để đảm bảo cho thi hành án.

Biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 - BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 - BLTTHS:

Truy thu từ bị cáo Thái Quốc T số tiền gốc mà những người vay đã trả cho bị cáo là 1.108.500.000đ (một tỷ, một trăm linh tám triệu, năm trăm nghìn đồng) và 41.836.581đ (bốn mươi một triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn, năm trăm tám mươi một đồng) là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm do phát sinh từ tội phạm mà T đã thu để tịch thu sung công quỹ nhà nước; truy thu từ anh Đinh Đức Đ số tiền 30.000.000đ vay của Thái Quốc T nhưng chưa trả cho Thái Quốc T.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 47 - BLHS: Buộc bị cáo Thái Quốc T trả lại số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm do bị cáo thu lợi bất chính là 116.871.317đ của những người vay gồm: Trả lại cho anh Phan Thanh N 37.516.518đ (ba mươi bảy triệu, năm trăm mười sáu nghìn, năm trăm mười tám đồng); trả lại cho anh Đinh Đức Đ số tiền 8.827.416 đ (tám triệu, tám trăm hai mươi bảy nghìn, bốn trăm mười sáu đồng); trả lại cho anh Lê Tiến Q 21.136.759đ (hai mươi một triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn, bảy trăm năm mươi chín đồng); trả lại cho anh Hồ Xuân H1 5.492.616đ (năm triệu, bốn trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm mười sáu đồng); trả lại cho Lê Trung K 2.942.472đ (hai triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm bảy mươi hai đồng); trả lại cho anh Trần Phi H3 6.032.068đ (sáu triệu, không trăm ba mươi hai nghìn, không trăm sáu mươi tám đồng); trả lại cho

Dương Quốc B 13.388.250đ (mười ba triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn, hai trăm năm mươi đồng); trả lại cho anh Nguyễn Văn H2 21.535.218đ (hai mươi một triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn, hai trăm mười tám đồng). Đối với số tiền thu lợi bất chính của anh Phạm Ngọc S bị cáo đã tự nguyện trả lại cho anh Phạm Ngọc S số tiền 70.349.602đ (bảy mươi triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, sáu trăm linh hai đồng) nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Thái Quốc T phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Bị cáo không tranh luận về tội danh cũng như mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị. Chỉ xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản tiếp nhận người phạm tội tự đầu thú, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra cũng như các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Từ đó đã xác định được trong thời gian từ ngày 11 tháng 01 năm 2022 đến ngày 15 tháng 11 năm 2022 Thái Quốc T đã 22 lần thông qua giao dịch dân sự cho 09 cá nhân vay gồm anh Phạm Ngọc S, anh Phan Thanh N, anh Đinh Đức Đ, anh Lê Tiến Q, anh Hồ Xuân H1, anh Lê Trung K, anh Trần Phi H3, anh Dương Quốc B, anh Nguyễn Văn H2 vay tổng số tiền 1.138.500.000đ (một tỷ, một trăm ba mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng) với mức lãi suất 109,5%/năm (vượt gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất cho phép quy định tại Điều 468 - BLDS 2015). Tổng số tiền lãi là 231.847.500đ, trong đó tiền thu lợi bất chính là 189.501.290đ, Thái Quốc T đã thu tổng số tiền lãi của những người vay là 229.057.500 (hai trăm hai mươi chín triệu, không trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm đồng), trong đó số tiền thu lợi bất chính là 187.220.919đ (một trăm tám mươi bảy triệu, hai trăm hai mươi nghìn, chín trăm mười chín đồng) nên hành vi của bị cáo Thái Quốc T đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 điều 201 - Bộ luật hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Vụ án thuộc loại ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà hành vi phạm tội của các bị cáo còn mang tính chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điêu đứng, gây bất bình

trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng chống các tệ nạn xã hội. Bị cáo là những người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích háms lợi và thái độ xem thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần có đường lối xử phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[3] Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng:

Bị cáo thu lợi bất chính với tổng số tiền 187.220.919đ, trong đó có hai lần thu lợi bất chính với số tiền trên 30.000.000đ nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo đã khắc phục trả lại cho anh Phạm Ngọc S số tiền thu lợi bất chính là 70.349.602đ (bảy mươi triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, sáu trăm linh hai đồng); sau khi phạm tội bị cáo đã lên cơ quan công an đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; tự nguyện giao nộp số tiền 200.000.000đ để khắc phục hậu quả nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1; 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào mức độ nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, kết hợp với việc xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi thường trú rõ ràng nên chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo theo Điều 65 của BLHS như đề nghị của đại diện viện kiểm sát cũng đủ nghiêm.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền tuy nhiên bị cáo làm nghề tự do, thu nhập không ổn định, số tiền truy thu lớn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền bị cáo dùng cho vay, trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Thái Quốc T đã cho anh Phạm Ngọc S, anh Phan Thanh N, anh Đinh Đức Đ, anh Lê Tiến Q, anh Hồ Xuân H1, anh Lê Trung K, anh Trần Phi H3, anh Dương Quốc B, anh Nguyễn Văn H2 vay với tổng số tiền là 1.138.500.000đ (một tỷ, một trăm ba mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng). Cụ thể cho anh Phạm Ngọc S vay 130.000.000đ anh S đã trả đủ; cho anh Phan Thanh N vay 100.000.000đ anh N đã trả đủ; cho anh Đinh Đức Đ vay 30.000.000đ anh Đ chưa trả; cho anh Lê Tiến Q vay 180.000.000đ anh Q đã trả đủ; cho anh Hồ Xuân H1 vay 100.000.000đ anh H1 đã trả đủ; cho anh Lê Trung K vay 20.000.000đ anh K đã trả đủ; cho anh Trần Phi H3 vay 60.000.000đ anh H3 đã trả đủ; cho anh Dương Quốc B vay 175.000.000đ anh B đã trả đủ; cho anh Nguyễn Văn H2 vay 343.500.000đ anh H2 đã trả đủ. Xét khoản tiền gốc mà bị cáo Thái Quốc T đã cho vay là phương tiện phạm tội nên cần truy thu, tịch thu sung quỹ nhà nước tổng số tiền trên, cụ thể: Truy thu từ bị cáo Thái Quốc T số tiền 1.108.500.000đ; Thái Quốc T cho Đinh Đức Đ vay số tiền 30.000.000đ, tuy nhiên anh Đ chưa trả cho T nên truy thu từ anh Đinh Đức Đ số tiền 30.000.000đ để

tịch thu sung quỹ nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 - BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 - BLTTHS.

Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm (mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS) mà bị cáo Thái Quốc T đã thu từ những người cho vay tổng số tiền là 41.836.581đ cần truy thu nơi bị cáo để tịch thu, sung quỹ nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 - BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 – BLTTHS, khoản 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm do bị cáo Thái Quốc T thu lợi bất chính của những người vay gồm Phạm Ngọc S, anh Phan Thanh N, anh Đinh Đức Đ, anh Lê Tiến Q, anh Hồ Xuân H1, anh Lê Trung K, anh Trần Phi H3, anh Dương Quốc B, anh Nguyễn Văn H2 với tổng số tiền 189.501.290đ, số tiền thực tế mà Thái Quốc T đã thu là 187.220.919đ nên phải trả lại số tiền này cho người vay. Trong quá trình giải quyết vụ án Thái Quốc T đã tự nguyện trả lại cho anh Phạm Ngọc S số tiền 70.349.602đ còn lại 116.871.317đ. Vì vậy cần buộc bị cáo trả lại tổng số tiền 116.871.317đ trên cho người vay theo khoản 2 Điều 47 – BLHS; khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cụ thể:

Buộc bị cáo Thái Quốc T trả lại cho anh Phan Thanh N số tiền 37.516.518đ (ba mươi bảy triệu, năm trăm mười sáu nghìn, năm trăm mười tám đồng); trả lại cho anh Đinh Đức Đ số tiền 8.827.416 đ (tám triệu, tám trăm hai mươi bảy nghìn, bốn trăm mười sáu đồng); trả lại cho anh Lê Tiến Q 21.136.759đ (hai mươi một triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn, bảy trăm năm mươi chín đồng); trả lại cho anh Hồ Xuân H1 5.492.616đ (năm triệu, bốn trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm mười sáu đồng); trả lại cho Lê Trung K 2.942.472đ (hai triệu, chín trăm bốn mươi hai đồng, bốn trăm bảy mươi hai đồng); trả lại cho anh Trần Phi H3 6.032.068đ (sáu triệu, không trăm ba mươi hai nghìn, không trăm sáu mươi tám đồng); trả lại cho Dương Quốc B 13.388.250đ (mười ba triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn, hai trăm năm mươi đồng); trả lại cho anh Nguyễn Văn H2 21.535.218đ (hai mươi một triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn, hai trăm mười tám đồng).

[6] Về vật chứng vụ án:

Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max, màu tím, số imel 358632739619, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0854109999. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được bị cáo đã sử dụng chiếc điện thoại có đặc điểm nêu trên để liên lạc đòi tiền gốc và lãi do đó cần tịch thu sung công quỹ nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS.

Đối với số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) mà bị cáo Thái Quốc T đã giao nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự thị xã T theo biên lai số 0007366 ngày 08 tháng 02 năm 2023 nay tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Án phí: Buộc bị cáo Thái Quốc T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1; 2 Điều 51; Điều 65 - BLHS:

Xử phạt bị cáo Thái Quốc T 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “ cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Giao bị cáo Thái Quốc T về cho UBND phường L, thị xã T, tỉnh Nghệ An nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Thái Quốc T thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 - Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Thái Quốc T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Thái Quốc T phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 - BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 - BLTTHS:

Truy thu từ bị cáo Thái Quốc T số tiền 1.108.500.000đ (một tỷ, một trăm linh tám triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền cho vay (tiền gốc) và 41.836.581đ (bốn mươi một triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn, năm trăm tám mươi một đồng) tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm. Tổng số tiền truy thu từ bị cáo Thái Quốc T là 1.150.336.581 (một tỷ, một trăm năm mươi triệu, ba trăm ba mươi sáu nghìn, năm trăm tám mươi một đồng).

Truy thu từ anh Đinh Đức Đ số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) để tịch thu sung quỹ nhà nước.

Buộc bị cáo Thái Quốc T phải có nghĩa vụ hoàn trả lại tổng số tiền 116.871.317đ (một trăm mười sáu triệu, tám trăm bảy mươi một nghìn, ba trăm mười bảy đồng), cho người vay, cụ thể:

Trả lại cho anh Phan Thanh N 37.516.518đ (ba mươi bảy triệu, năm trăm mười sáu nghìn, năm trăm mười tám đồng); trả lại cho anh Đinh Đức Đ số tiền 8.827.416đ (tám triệu, tám trăm hai mươi bảy nghìn, bốn trăm mười sáu đồng); trả lại cho anh Lê Tiến Q 21.136.759đ (hai mươi một triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn, bảy trăm năm mươi chín đồng); trả lại cho anh Hồ Xuân H1 5.492.616đ (năm triệu, bốn trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm mười sáu đồng); trả lại cho Lê Trung K 2.942.472đ (hai triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm bảy mươi hai đồng); trả lại cho anh Trần Phi H3 6.032.068đ (sáu triệu, không trăm ba mươi hai nghìn, không trăm sáu mươi tám đồng); trả lại cho Dương Quốc B 13.388.250đ (mười ba triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn, hai trăm năm mươi đồng); trả lại cho anh Nguyễn Văn H2 21.535.218đ (hai mươi một triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn, hai trăm mười tám đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max, màu tím, số imel 358632739619, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0854109999 thu giữ của Thái Quốc T.

Tiếp tục tạm giữ của bị cáo Thái Quốc T số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) mà bị cáo Thái Quốc T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa theo biên lai thu tiền số 0007366 ngày 08 tháng 02 năm 2023 để đảm bảo thi hành án.

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án (kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án): Bị cáo Thái Quốc T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Bị cáo có mặt, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QL & NV liên quan;
- Công an thị xã Thái Hòa ;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Xuân Quyền

